TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DS-ST
Ngày 12 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Tuyết N, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp HC, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Hứa Trung N1; cư trú tại: Ấp HC, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lê Mỹ T; cư trú tại: Ấp HC, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Tuyết N trình bày: Ngày 20/4/2021, ông N1 và bà T có vay của chị số tiền 65.000.000đ. Đến ngày 19/10/2021, vay tiếp của chị số tiền 300.000.000đ, khi vay có làm biên nhận, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Khi đến thời hạn trả nợ thì ông N1, bà T không thanh toán nợ cho chị. Nay chị yêu cầu ông N1 và bà T trả tiền vốn 365.000.000đ, lãi theo quy định pháp luật đối với số

tiền 65.000.000 tính từ ngày 20/4/2021, số tiền 300.000.000đ tính từ ngày 19/10/2021.

Đối với ông Hứa Trung N1 và bà Lê Mỹ T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông bà không có ý kiến gì đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thuyết N khởi kiện yêu cầu ông Hứa Trung N1 và bà Lê Mỹ T trả tiền vốn, lãi vay là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2. 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông N1, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông N1 và bà T có vay của chị N 02 lần với số tiền vốn là 365.000.000đ, khi vay có làm biên nhận nợ và ký tên. Sau khi vay, ông N1 và bà T không trả tiền vốn, lãi cho chị N. Xét thấy: Theo thỏa thuận giữa hai bên khi ký kết giao dịch vay tiền thì đến nay đã hết thời hạn đã lâu nhưng ông N1, bà T không trả tiền cho chị N. Như vậy, ông N1 và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi hai bên thực hiện giao dịch vay tiền thì có thỏa thuận lãi suất, nhưng lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn mức lãi suất Nhà nước quy định. Do đó, yêu cầu tính lãi của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

Số tiền lãi ông N1 và bà T phải trả cho chị Nương là:

Số tiền 65.000.000đ tính từ ngày 20/4/2021 đến 19/10/2021: (65.000.000đ x 20%/năm) x 06 tháng = 6.500.000đ.

Số tiền 365.000.000đ tính từ ngày 19/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/6/2023) là 19 tháng 23 ngày với số tiền: (365.000.000đ x 20%/năm) x 19 tháng 23 ngày = 120.246.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông N1 và bà T phải trả cho chị N là: 6.500.000đ + 120.246.000đ = 126.746.000đ. Tổng số tiền vốn, lãi là 365.000.000đ + 126.746.000đ = 491.746.000đ.

[5] Đối với ông N1 và bà T: Mặc dù chị đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng chị không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét về án phí dân sự: Ông N1 và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 4 Điều 91 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Tuyết N.

1. Buộc ông Hứa Trung N1 và bà Lê Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Tuyết N số tiền là 491.746.000 đồng (bốn trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

2. Kể từ ngày chị Bùi Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hứa Trung N1 và bà Lê Mỹ T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông N1, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Bùi Tuyết N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị N 4.679.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014047 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Hứa Trung N1 và bà Lê Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.669.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh